

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ I NĂM 2023

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
	Tổng số thu	174,614,500,000	120,886,000,000	116,456,282,558	89,597,342,523	67.13	74.75
I	Các khoản thu 100%	365,000,000	365,000,000	4,728,507,400	4,728,507,400	1295.48	1295.48
1	Phí, lệ phí	15,000,000	15,000,000	3,161,000	3,161,000	21.07	21.07
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	140,000,000	140,000,000	3,708,000	3,708,000	2.65	2.65
	Thu từ quỹ đất công ích			3,708,000	3,708,000		
	Thu từ hoa lợi công sản trên đất công						
	Thu tiền đền bù khi nhà nước thu hồi đất						
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	70,000,000	70,000,000				
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định						
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
8	Thu khác	140,000,000	140,000,000	4,721,638,400	4,721,638,400	3372.6	3372.6
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	168,259,000,000	114,530,500,000	105,801,486,369	78,942,546,334	62.88	68.93
1	Các khoản thu phân chia	790,000,000	395,000,000	391,698,865	198,671,915	49.58	50.3
11	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp			2,644,964	2,644,964		
12	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
13	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh			3,000,000	3,000,000		
14	Lệ phí trước bạ nhà, đất	790,000,000	395,000,000	386,053,901	193,026,951	48.87	48.87
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	167,469,000,000	114,135,500,000	105,409,787,504	78,743,874,419	62.94	68.99
21	Thu tiền sử dụng đất	167,144,000,000	114,001,000,000	104,728,700,000	78,519,157,091	62.66	68.88
22	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước						
23	Thuế tài nguyên						
24	Thuế giá trị gia tăng	80,000,000	32,000,000	402,666,964	113,167,711	503.33	353.65
25	Thuế thu nhập doanh nghiệp						
26	Thuế thu nhập cá nhân	245,000,000	102,500,000	278,420,540	111,549,617	113.64	108.83
27	Thuế tiêu thụ đặc biệt						

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NAM		HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn			5,161,204,789	5,161,204,789		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước						
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	5,990,500,000	5,990,500,000	765,084,000	765,084,000	25.54	25.54
	Bổ sung cân đối ngân sách						
1	Thu bổ sung cân đối	5,990,500,000	5,990,500,000	765,084,000	765,084,000	12.77	12.77
	Bổ sung có mục tiêu						
2	Thu bổ sung có mục tiêu						